

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**NGUYỄN HỒNG NAM**

**GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO  
DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI  
HUYỆN ĐẮK TÔ TỈNH KON TUM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**Đà Nẵng – Năm 2011**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NINH THỊ THU THỦY**

Phản biện 1: **PGS.TS BÙI QUANG BÌNH**

Phản biện 2: **TS. ĐỖ NGỌC MỸ**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện Trường Đại học Kinh Tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Xoá đói giảm nghèo là một trong những chính sách xã hội cơ bản hướng vào phát triển con người, nhất là người nghèo, tạo cơ hội cho họ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quê hương đất nước.

Xoá đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum nói chung, và đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng cả về: Kinh tế, chính trị - xã hội, an ninh quốc phòng. Đây là quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, một mặt phát triển kinh tế xã hội nhằm nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc, mặt khác từng bước thực hiện các nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc trên thực tế. Vì vậy, công tác giảm nghèo là vấn đề cấp thiết cần được quan tâm nghiên cứu thoả đáng cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Xuất phát từ ý nghĩa quan trọng đó, tôi đã chọn đề tài: “*Giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum*” làm luận văn, nhằm đánh giá đúng thực trạng và tìm ra những giải pháp hiệu quả để đẩy mạnh công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum trong thời gian đến.

### 2. Tổng quan nghiên cứu

Có thể khẳng định, các nghiên cứu về nghèo đói và xoá đói giảm nghèo ở nước ta nói chung và ở vùng dân tộc thiểu số là rất phong phú. Bên cạnh những phương pháp nghiên cứu, tiếp cận truyền thống, các công trình nghiên cứu, chỉ đạo XĐGN đã vận dụng nhiều

phương pháp mà các tổ chức quốc tế đã vận dụng nghiên cứu về phân hoá giàu nghèo và XĐGN ở nước ta đã thực sự cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn cho xây dựng, triển khai các chương trình XĐGN cấp toàn quốc và địa phương.

### 3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

#### 3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nhận thức về lý luận và thực tiễn của nghèo đói và xoá đói giảm nghèo, mục tiêu của luận văn là đề xuất một số giải pháp chủ yếu về kinh tế - xã hội nhằm thực hiện giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

#### 3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về nghèo đói và giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số.

- Đánh giá thực trạng nghèo và công tác giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum và nguyên nhân.

- Phân tích những lợi thế và thách thức của dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum trong công tác giảm nghèo.

- Đề xuất định hướng và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế để thực hiện giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số ở huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

### 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề nghèo và giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum với chủ thể là các hộ nông dân.

- Nội dung: Tập trung chủ yếu vào việc phân tích thực trạng nghèo và đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế để giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Về thời gian: Số liệu thứ cấp lấy từ các tài liệu từ năm 2006 - 2010.

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu trên địa bàn các xã thuộc huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thu thập tài liệu.
- Phương pháp xử lý số liệu.
- Phương pháp phân tích số liệu.

## **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài luận văn gồm 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về giảm nghèo
- Chương 2: Thực trạng giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.
- Chương 3: Một số giải pháp đẩy mạnh giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô trong thời gian đến.

## **CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIẢM NGHÈO**

### **1.1. Những vấn đề chung về nghèo**

Nhiều diễn đàn khu vực và thế giới đã khẳng định, đói nghèo là vấn đề nổi cộm của xã hội, đồng thời cũng cảnh báo rằng vấn đề đói nghèo không chỉ ở phạm vi quốc gia, quốc tế sẽ đưa đến mất ổn định chính trị trong và ngoài nước, sẽ tạo ra những hậu quả khôn lường; di dân quốc tế ồ ạt, phá huỷ môi trường, tiêu cực xã hội lan rộng, ảnh hưởng chung đến cả nhân loại. Vì vậy, nghèo đói không còn là vấn đề riêng của một quốc gia, mà là vấn đề quốc tế.

#### ***1.1.1. Khái niệm, tiêu chí đánh giá nghèo***

*Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế xã hội và phong tục tập quán của địa phương.*

Chuẩn nghèo của Chính phủ: Đến năm 2010 Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới và cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 là từ 400 nghìn đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực nông thôn và từ 500 nghìn đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực thành thị; đối tượng cận nghèo là hộ có thu nhập từ 401-520 nghìn đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn và từ 501- 650 nghìn đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị.

#### ***1.1.2. Các nguyên nhân dẫn đến nghèo***

##### ***1.1.2.1. Nhân tố tự nhiên***

##### ***1.1.2.2. Nhân tố kinh tế***

- + Tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế.
- + Hội nhập kinh tế quốc tế.
- + Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội.

#### *1.1.2.3. Nhân tố xã hội*

- + Tốc độ gia tăng dân số, trình độ văn hóa.
- + Thành phần dân tộc.
- + Phong tục tập quán.
- + Yếu tố lịch sử.
- + Chính sách nhà nước thất bại.
- + Hình thức sở hữu.

#### *1.1.2.4. Nhân tố thuộc bản thân người nghèo*

- + Quy mô hộ lớn, tỷ lệ phụ thuộc cao.
- + Trình độ học vấn thấp.
- + Không có việc làm hoặc việc làm không ổn định.
- + Thiếu vốn hoặc thiếu phương tiện sản xuất.
- + Do ốm yếu, bệnh tật.
- + Các yếu tố rủi ro.

#### ***1.1.3. Tác động của nghèo đến phát triển kinh tế - xã hội và sự cần thiết phải giảm nghèo***

Tác động về kinh tế: Nghèo đói làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực, hạn chế sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế.

Tác động về xã hội: Người nghèo họ không có nhà ở, không có việc làm và thu nhập không ổn định, không được hưởng dịch vụ y tế, văn hoá.

Tác động về chính trị: Nghèo đói là cơ hội để các thế lực thù địch lợi dụng, gây mất ổn định về chính trị quốc gia.

Tác động về an ninh quốc phòng: Ở nhiều quốc gia, phân hoá giàu nghèo làm tăng bất công xã hội và chuyển thành đối kháng lợi ích.

## **1.2. Giảm nghèo**

### ***1.2.1. Khái niệm***

*Giảm nghèo là tổng thể các biện pháp, chính sách của nhà nước và xã hội hay là của chính những đối tượng thuộc diện nghèo, nhằm tạo điều kiện để họ có thể tăng thu nhập, thoát khỏi tình trạng thu nhập không đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu trên cơ sở chuẩn nghèo được quy định theo từng địa phương, khu vực và quốc gia.*

### ***1.2.2. Nội dung và tiêu chí đánh giá giảm nghèo***

*1.2.2.1. Tạo điều kiện cho người nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, gia tăng thu nhập*

- + Cung cấp tín dụng ưu đãi cho người nghèo.
- + Đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nghèo.
- + Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng.
- + Thực hiện các chính sách khuyến nông, khuyến ngư...
- + Phát triển các ngành nghề truyền thống phù hợp với địa phương.

*1.2.2.2. Giảm nghèo thông qua các chính sách an sinh xã hội*

- + Hỗ trợ dịch vụ y tế
- + Hỗ trợ dịch vụ giáo dục
- + Hỗ trợ hộ nghèo về đất sản xuất, nhà ở, điện, nước sinh hoạt

### ***1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến giảm nghèo***

Các nhân tố ảnh hưởng đến giảm nghèo là hết sức đa dạng, vì nghèo đói là hậu quả của nhiều nguyên nhân, vì vậy ta có thể chia ra thành nhóm các nhân tố sau:

*1.2.3.1. Cơ chế, chính sách và các biện pháp tổ chức thực hiện giảm nghèo*

- Đường lối chính sách của Đảng và nhà nước:
- Công tác tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo

### 1.2.3.2. Các nguồn lực thực hiện giảm nghèo

Các yếu tố nguồn lực như đất đai, nguồn vốn, năng lực đội ngũ cán bộ, sự tham gia của các lực lượng giảm nghèo, sự hỗ trợ từ bên ngoài... cũng ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giảm nghèo.

### 1.2.3.3. Ý thức vươn lên của bản thân người nghèo

Nếu người nghèo lười lao động, ăn tiêu lãng phí thì cũng khó có thể thoát nghèo. Do đó nếu những hộ có ý chí thoát nghèo, nhận thức tốt và chăm chỉ học hỏi kinh nghiệm làm ăn, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chủ động trong chi tiêu, biết tiết kiệm và tính toán thì việc thoát nghèo là không khó.

## 1.3. Kinh nghiệm giảm nghèo ở Việt Nam

### 1.3.1. Cách thức và chính sách giảm nghèo của Đảng và nhà nước

Nghiên cứu đường lối và các chủ trương của Đảng và Nhà nước có thể rút ra các quan điểm cơ bản sau đây của hoạt động XDGN ở nước ta.

a/ Xoá đói giảm nghèo phải được giải quyết trong tổng thể chiến lược phát triển của nước ta là kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội trong suốt quá trình phát triển và ngay trong từng giai đoạn của quá trình phát triển.

b/ Xoá đói giảm nghèo là vấn đề kinh tế - xã hội sâu rộng cho nên mọi lúc, mọi nơi đều phải thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

c/ Thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo gắn với khuyến khích làm giàu chính đáng, thường xuyên củng cố thành quả xoá đói giảm nghèo.

d/ Xoá đói giảm nghèo gắn với phát triển kinh tế bằng chủ động, tự lực, vươn lên của người nghèo, cộng đồng, các cấp và Nhà nước cùng với sự tranh thủ giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

### 1.3.2. Kinh nghiệm giảm nghèo của huyện Kon Plông

### 1.3.3. Kinh nghiệm giảm nghèo của Thành phố Kon Tum

### 1.3.4. Những bài học rút ra về công tác giảm nghèo

Qua hơn 15 năm thực hiện công tác XDGN ở nước ta đã đạt được những thành tựu bước đầu, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- a. Trước hết đó là đã có sự chuyển biến lớn lao trong nhận thức về XDGN.
- b. Có những giải pháp thích hợp để huy động nguồn lực và tạo cơ chế chính sách cho XDGN.
- c. Có sự phối hợp đồng bộ giữa các Bộ, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương, cơ sở và lồng ghép các chương trình XDGN với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.
- d. Phát huy nội lực là chính với việc không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế nhằm mục tiêu xoá đói, giảm nghèo.
- e. Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn thể quần chúng trong triển khai thực hiện các chương trình.

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ TẠI HUYỆN ĐẮK TÔ, TỈNH KON TUM

#### 2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội tác động đến vấn đề nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

##### 2.1.2. Điều kiện kinh tế

##### 2.1.2.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

##### 2.1.2.2. Cơ sở hạ tầng

Huyện Đăk Tô đã có đường ô tô vào đến trung tâm xã cả hai mùa mưa và nắng. Toàn bộ xã đã có điện lưới quốc gia và điện thoại. Hiện trên địa bàn huyện gồm 8 xã và 1 thị trấn có đồng bào dân tộc sinh sống. Tuy nhiên, đại bộ phận các thôn, xóm có đồng bào dân tộc sinh sống cơ sở hạ tầng còn yếu kém, đặc biệt là đường giao thông liên thôn, xóm hiện chỉ là lối mòn đi bộ, và rất vất vả vào mùa mưa. Các công trình nước sạch, điện sinh hoạt và phúc lợi công cộng hầu như tạm bợ và xuống cấp.

##### 2.1.3. Điều kiện xã hội

##### 2.1.3.1. Dân số, lao động và việc làm

##### 2.1.3.2. Văn hoá, giáo dục, y tế

#### 2.2. Thực trạng nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô

##### 2.2.1. Những đặc điểm của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô

- Yếu tố về điều kiện sản xuất.
- Yếu tố về KHKT và công nghệ.
- Yếu tố về trình độ dân trí.

- Yếu tố về phong tục, tập quán.
- Yếu tố về chính sách hỗ trợ của Nhà Nước.
- Nguồn lực đất đai.
- Nguồn lực lao động.
- Đầu tư tiền vốn cho sản xuất của hộ.
- Công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất.

##### 2.2.2. Tình hình phát triển kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đăk Tô

##### 2.2.2.1. Về trồng trọt

Trồng trọt là ngành sản xuất chính của nông dân các dân tộc ở huyện Đăk Tô, các cây trồng chủ yếu là lúa nước, lúa rẫy, ngô, sắn...

##### 2.2.2.2. Về chăn nuôi

Đồng bào dân tộc thiểu số chăn nuôi gia súc và gia cầm nhưng là hình thức chăn nuôi nhỏ, lạc hậu mang tính gia đình, hầu như vẫn thả rông trên đồi, rừng là chính, chưa biết lấy phân bón để phục vụ cho trồng trọt, chưa biết tiêm phòng dịch và áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới vào chăn nuôi,

##### 2.2.2.3. Kết quả và hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp của các hộ

##### - Nông nghiệp:

Phần lớn thu nhập của hộ nông dân các DTTS ở huyện Đăk Tô là từ trồng trọt và chăn nuôi. Trong 2 ngành chăn nuôi và trồng trọt thì trồng trọt luôn cho thu nhập cao hơn.

##### - Lâm nghiệp: Hoạt động lâm nghiệp của hộ DTTS bao gồm:

- + Khoanh nuôi, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ được giao và nhận khoán.
- + Trồng rừng mới.

- + Khai thác lâm sản và lâm sản ngoài gỗ từ rừng tự nhiên và rừng trồng.
- Kết quả và hiệu quả hoạt động dịch vụ và các hoạt động phi nông nghiệp khác của hộ. Đăk Tô là huyện miền núi nên hoạt động dịch vụ và ngành nghề của các nông hộ DTTS nói chung còn rất kém phát triển. Ngoài dịch vụ máy xay sát và đi làm thuê các hộ dân tộc thiểu số không tham gia hoạt động phi nông nghiệp nào khác.

### **2.2.3. Nguyên nhân nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện**

Qua số liệu về thực trạng nghèo của người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Đăk Tô, nguyên nhân nghèo của những hộ này tập trung vào một số nguyên nhân chính sau:

- Một bộ phận người nghèo đặc biệt là người nghèo dân tộc thiểu số còn chậm chuyển biến.
- Sản xuất nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo.
- Các hộ thiếu đất sản xuất, đất sản xuất manh mún, bạc màu.
- Về giáo dục, các hộ nghèo thường không cho con đến trường.
- Các hộ nghèo dân tộc thiểu số không có kế hoạch trong sản xuất.
- Điều kiện thời tiết, thiên nhiên khắc nghiệt.
- Giao thông cách trở.
- Sản phẩm làm ra chủ yếu để tiêu dùng hoặc tiêu thụ dưới dạng thô.

### **2.3. Tình hình thực hiện giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đăk Tô.**

#### **2.3.1. Các chính sách, dự án tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập**

- + Chính sách tín dụng ưu đãi cho vay hộ nghèo.

- + Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở cho hộ nghèo dân tộc thiểu số.

- + Dự án khuyến nông, khuyến lâm.
- + Dự án phát triển đàn bò lai.
- + Dự án phát triển cây cao su tiểu điền.
- + Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.
- + Dự án giảm nghèo miền Trung.
- + Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã đặc biệt khó khăn.

#### **2.3.2. Các chính sách, dự án tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội**

- + Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo.
- + Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo.
- + Chính sách trợ giúp pháp lý cho hộ nghèo.
- + Chính sách cứu trợ xã hội.

#### **2.3.3. Công tác tổ chức, điều hành**

- + Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo.
- + Hoạt động truyền thông về giảm nghèo.

#### **2.3.4. Kết quả giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện**

Qua 4 năm triển khai thực hiện Nghị quyết của Huyện uỷ và Hội đồng nhân dân huyện về đẩy mạnh công tác giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 trên địa bàn huyện đã đạt được các kết quả đáng khích lệ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 32,94% năm 2006 xuống còn 18,67% năm 2010 tương ứng với 1.641 hộ nghèo, trong đó có 1.529 hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 93,17% tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện. Tuy nhiên, tỷ lệ giảm nghèo ở người kinh cao hơn ở người đồng bào dân tộc thiểu số, cụ thể tỷ lệ thoát nghèo của người kinh

trong 4 năm là 310 hộ chiếm tỷ lệ 73,5% số hộ nghèo là người kinh, trong khi đó tỷ lệ thoát nghèo của người đồng bào dân tộc thiểu số là 489 hộ chỉ chiếm tỷ lệ 23,5% số hộ nghèo là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

**Bảng 2.28. Tình hình thoát nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đắk Tô qua 3 năm**

*ĐVT: hộ*

Năm	Tổng số hộ nghèo	Hộ thoát nghèo			
		Tổng số	Tỷ lệ %	Hộ DTTS	Tỷ lệ %
2007	2.080	561	26,9	355	63,3
2008	1.871	386	20,6	236	61,1
2009	1.827	364	19,9	294	80,7
2010	2.514	296	11,8	255	86,1
Tăng BQ	104	437	22,4	295	68,4

*(Nguồn : Niên giám Thống kê huyện Đắk Tô năm 2009 và điều tra năm 2010)*

**Bảng 2.29. Tình hình tái nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đắk Tô qua 3 năm**

*ĐVT: Hộ*

Năm	Tổng số hộ nghèo	Hộ tái nghèo và nghèo phát sinh			
		Tổng số	Tỷ lệ %	Hộ DTTS	Tỷ lệ %
2007	2.080	138	6,6	108	78,3
2008	1.871	177	9,5	140	79,1
2009	1.827	320	17,5	256	80,0
Tăng BQ		212	11,2	168	79,1

*(Nguồn : Niên giám Thống kê huyện Đắk Tô năm 2009)*

Qua bảng số liệu trên ta có thể nhận thấy rằng tỷ lệ giảm nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số huyện Đắk Tô chậm và không bền vững so với người kinh trên cùng địa bàn, cụ thể qua số liệu 3 năm số hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo chiếm tỷ lệ 68,4% nhưng tỷ lệ hộ tái nghèo phát sinh lại cao hơn là 79,1%, trong khi tỷ lệ hộ nghèo là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện chiếm đa số trên 84% qua các năm.



**Bảng 2.30. Tình hình thoát nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số Tỉnh Kon Tum qua 3 năm**

*ĐVT: hộ*

Stt	Huyện, thành phố	Năm 2007			Năm 2008			Năm 2009			Tỷ lệ bình quân %
		Số hộ nghèo	Thoát nghèo	Tỷ lệ %	Số hộ nghèo	Thoát nghèo	Tỷ lệ %	Số hộ nghèo	Thoát nghèo	Tỷ lệ %	
1	TP Kon Tum	2,652	1,023	38.6	2,325	600	25.8	2,119	472	22.3	28.9
2	Sa Thầy	2,451	495	20.2	2,258	363	16.1	2,355	595	25.3	20.5
3	Kon Rẫy	1,582	279	17.6	1,245	337	27.1	1,532	241	15.7	20.1
4	Kon Plông	2,712	351	12.9	2,627	146	5.6	2,223	459	20.6	13.0
5	Đăk Hà	2,579	559	21.7	2,215	528	23.8	2,041	432	21.2	22.2
6	Đăk Tô	2,080	561	27.0	1,871	386	20.6	1,827	364	19.9	22.5
7	Tu Mơ Rông	2,337	325	13.9	2,241	96	4.3	2,101	200	9.5	9.2
8	Ngọc Hồi	2,386	688	28.8	2,033	532	26.2	2,045	472	23.1	26.0
9	Đăk Glei	3,323	776	23.4	3,257	395	12.1	3,067	250	8.2	14.5
	Tổng	22,102	5,057	22.9	20,072	3,383	16.9	19,310	3,485	18.0	19.3

*(Nguồn: Báo cáo giám nghèo tỉnh Kon Tum)*

- So sánh tình hình biến động hộ nghèo của huyện Đăk Tô với toàn tỉnh từ các bảng số liệu trên ta có thể nhận thấy tỷ lệ hộ thoát nghèo của huyện Đăk Tô bình quân là 22,5% cao hơn tỷ lệ bình quân chung của tỉnh là 19,3% và cao hơn một số huyện như Sa Thầy, Kon Rẫy, Kon Plông ... Tuy nhiên tỷ lệ tái nghèo bình quân của huyện Đăk Tô là 11,2% cao hơn tỷ lệ tái nghèo bình quân chung của tỉnh chỉ có 10,4%. So sánh tỷ lệ tái nghèo với số hộ thoát nghèo từ bảng

số liệu cho ta thấy tình hình hộ thoát nghèo không bền vững, có khả năng tái nghèo chiếm đến 50% số hộ thoát nghèo; Đặc biệt năm 2009 tỷ lệ hộ tái nghèo rất cao lên tới 19,3% trong khi số hộ thoát nghèo chỉ chiếm tỷ lệ 18%, nguyên nhân cụ thể do năm 2009 tỉnh Kon Tum bị cơn bão số 9 tàn phá nặng nề trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt một số huyện như Sa Thầy, Kon Rẫy, Đăk Tô, Ngọc Hồi có số hộ nghèo tăng đột biến trong năm 2009, điều này cho thấy hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số rất dễ rơi vào tình trạng tái nghèo khi gặp các sự cố như thiên tai, đau ốm.

### **2.3.5. Những hạn chế trong công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện và nguyên nhân**

#### **2.3.5.1. Những hạn chế**

#### **2.3.5.2. Nguyên nhân của những hạn chế**

### CHƯƠNG III

## GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH GIẢM NGHÈO CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HUYỆN ĐẮK TÔ TRONG THỜI GIAN ĐẾN

### 3.1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng giảm nghèo cho đồng bào các dân tộc thiểu số của huyện Đăk Tô

#### 3.1.1. Quan điểm

Quan điểm chỉ đạo giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới là:

- Giảm nghèo gắn với tăng trưởng kinh tế và giữ vững ổn định xã hội.
- Giảm nghèo gắn với công bằng xã hội.
- Phát huy các nguồn lực tại chỗ để người nghèo, xã nghèo dân tộc thiểu số trong huyện tự vươn lên thoát nghèo.
- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các thành phần kinh tế nhằm tăng việc làm, thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số để giảm nghèo.

#### 3.1.2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo đặc biệt là hộ nghèo người đồng bào dân tộc thiểu số.

Mục tiêu cụ thể:

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 27% năm 2010 xuống còn 11-12% ở năm 2015, mỗi năm giảm trên 3% hộ nghèo.
- Đến năm 2015, thu nhập của nhóm hộ nghèo tăng 1,5 lần so với năm 2010

### 3.1.3. Định hướng

Khai thác có hiệu quả toàn bộ diện tích đất có khả năng sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thay đổi tập quán sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm tạo điều kiện cho người nghèo đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, tăng thu nhập; tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội và nâng cao năng lực, nhận thức cho người nghèo dân tộc thiểu số.

### 3.2. Một số giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số của huyện Đăk Tô.

#### 3.2.1. Nhóm giải pháp tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập

##### 3.2.1.1. Đẩy mạnh tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo

Tạo nguồn vốn cho người nghèo vay. Mở rộng huy động vốn từ nhiều nguồn để cho vay hộ nghèo, đặc biệt là thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo điều kiện cho hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ một cách thuận lợi nhất. Nâng mức cho vay, kéo dài thời hạn vay, nới lỏng điều kiện cho vay.

##### 3.2.1.2. Nâng cao dân trí, phát triển đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Vấn đề nâng cao dân trí: Cùng với đất đai, vấn đề dân trí đang là nỗi bức xúc trong đồng bào dân tộc thiểu số của huyện. Cho nên chính sách và giải pháp về giáo dục mang một ý nghĩa cấp bách. Để thực hiện tốt chính sách này cần phải:

- + Đầu tư nguồn lực cho các xã nghèo vùng dân tộc thiểu số đảm bảo có đủ lớp học, phòng học kiên cố

+ Có chính sách đào tạo đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số tại thôn, làng để dạy tại làng

- Đào tạo nghề: Đào tạo nghề chính là thực hiện chuyển đổi và hướng dẫn cách làm ăn cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, tạo nhiều cơ hội cho họ tìm kiếm thêm việc làm, tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững.

### 3.2.1.3. *Đẩy mạnh phát triển kinh tế địa phương*

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế chủ yếu ở nông thôn: Trước hết là xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình thuỷ lợi. Đồng thời tập trung xây dựng các công trình phát triển sản xuất, sinh hoạt cho người dân như công trình giao thông liên thôn, liên xã, cầu cống, công trình thuỷ lợi, trường học, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trạm y tế.

- Mở rộng thu hút vốn đầu tư: Xây dựng hệ thống chính sách thông thoáng nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư từ trung ương và của địa phương nhằm phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản: Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thúc đẩy sản xuất nông sản hàng hoá trước hết đáp ứng nhu cầu trong huyện và trong tỉnh. Tập trung xây dựng các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, cam kết thu mua và bao tiêu sản phẩm cho nông dân sau khi thu hoạch.

## 3.2.2. *Nhóm chính sách tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội*

### 3.2.2.1. *Hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất và nhà ở cho hộ nghèo*

- Với mục tiêu cơ bản giải quyết đất sản xuất, đất ở và nhà ở cho hộ nghèo dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, nhằm từng bước ổn định đời sống, phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, để phát triển kinh tế xã hội cho vùng người đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với giữ vững an ninh quốc phòng.

- Cụ thể hoá trong từng dự án quy hoạch đảm bảo mỗi hộ nghèo dân tộc thiểu số đều có từ 0,5 đến 1ha đất nương rẫy và từ 3 đến 5 sào ruộng nước để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu lương thực, thực phẩm cho hộ trong năm.

### 3.2.2.2. *Tăng cường hỗ trợ về y tế cho người nghèo*

- Công tác y tế dự phòng nhằm tuyên truyền, vận động bà con ăn chín, uống sôi, phổ biến kiến thức về y tế, để người dân tự chăm lo sức khoẻ cho bản thân và gia đình bằng hình thức cấp thẻ Bảo hiểm y tế, thẻ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo dân tộc thiểu số.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đặc biệt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đảm bảo đa số được chăm sóc sức khoẻ ban đầu ngay tại cơ sở. Cấp phát thuốc miễn phí cho các đối tượng quá khó khăn.

- Tổ chức các đợt khám chữa bệnh lưu động miễn phí, định kỳ tại các thôn, làng và hướng dẫn bà con cách phòng tránh bệnh tật.

### 3.2.2.3. *Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo*

- Có cơ chế chính sách ưu tiên cho đối tượng nghèo dân tộc thiểu số và con em của họ, đảm bảo xoá được nạn mù chữ và phổ cập tiểu học, được miễn hoàn toàn học phí và các khoản đóng góp khác.

- Mở rộng loại hình lớp học bán trú dân nuôi thành một quy định đóng góp hợp lý của toàn dân.

#### *3.2.2.4. Cứu tế, viện trợ khẩn cấp*

Hàng năm vùng đồng bào dân tộc thiểu số đều phải gánh chịu các hậu quả của thiên tai thì Nhà nước có chính sách hỗ trợ về đời sống và sản xuất cho nhân dân. Tập trung chủ yếu là lương thực, thuốc men và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu.

#### *3.2.3. Giải pháp tuyên truyền vận động tự vươn lên thoát nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số*

- Công tác tuyên truyền vận động: Đây là giải pháp quan trọng, vì vậy việc phát huy ý trí tự vươn lên, huy động nội lực là yếu tố rất quan trọng. Người nghèo phải có ý thức vươn lên thoát nghèo và nỗ lực thoát nghèo.

- Chống các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, tại các thôn, xây dựng các chuẩn mực văn hoá phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Vận động thực hiện chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình. Dân số tăng nhanh đi liền với nó là vấn đề y tế, giáo dục, việc làm.

#### *3.2.4. Giải pháp về tổ chức thực hiện*

- Lồng ghép các chương trình xóa đói giảm nghèo nhằm để tập trung các nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo để huy động mọi nguồn lực tham gia chương trình giảm nghèo.

- Phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo, đánh giá hiệu quả của các chương trình giảm nghèo.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số đang là vấn đề cấp thiết ở nước ta, nhằm tạo ra sự phát triển ổn định và bền vững. Đây là một trong những nhiệm vụ lâu dài, phức tạp được đặt trong chương trình tổng thể của quốc gia nói chung và của huyện Đăk Tô nói riêng. Là một huyện nghèo nằm ở cực bắc Tây nguyên, giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Đăk Tô không chỉ mang ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao đời sống, kinh tế, văn hoá, xã hội cho người đồng bào dân tộc thiểu số mà còn góp phần củng cố an ninh, quốc phòng và đảm bảo định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đăk Tô là một huyện nghèo, xuất phát điểm thấp, cách thức sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số còn mang nặng tính tự phát, tự cung, tự cấp, phần nhiều dựa vào sản vật tự nhiên. Đời sống tinh thần của bà con dân tộc còn mang đậm nét truyền thống, bên cạnh tính cộng đồng cao, phong tục tập quán cũ còn chi phối nặng nề. Vai trò của già làng, người có uy tín trong làng vẫn chi phối những quan hệ xã hội và nhiều công việc trong cộng đồng buôn làng. Từ đó thói quen sống theo “lệ” vẫn nhiều hơn sống theo “luật”. Đặc điểm này khiến cho đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số tương đối khép kín, ảnh hưởng đến sự tiếp nhận những kinh nghiệm sống tốt trong quá trình phát triển, để làm phong phú thêm đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số cần đổi mới nhận thức về cách nhận xét, đánh giá và giải quyết. Giảm nghèo không chỉ thuần túy về kinh tế, mà còn về văn hoá, xã hội và cả về nhận thức. Giảm nghèo phải đảm bảo cả cơ sở vật chất lẫn văn hoá

tin thần cũng như môi trường bền vững, nhằm tìm ra các giải pháp hữu hiệu, thúc đẩy sự phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số để từ đó giảm nghèo một cách hiệu quả, kết hợp hài hoà giữa các yếu tố kinh tế với các yếu tố văn hoá xã hội. Mặt khác, phải nâng cao dân trí để góp phần nâng cao trình độ mọi mặt cho đồng bào dân tộc thiểu số, quan trọng hơn trình độ dân trí được nâng cao sẽ quyết định sự thay đổi trong cộng đồng dân tộc thiểu số theo hướng năng động, văn minh, tiến bộ hơn. Để giảm nghèo và phát triển bền vững cho người đồng bào dân tộc thiểu số phải đạt được mục tiêu chung là phát triển lực lượng sản xuất, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống và đẩy lùi những tệ nạn tiêu cực trong cộng đồng người dân tộc, do mặt trái của cơ chế thị trường đem lại.

Giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số là công việc khó khăn, lâu dài và phức tạp, thực hiện được điều đó là quá trình đấu tranh bền bỉ và kiên quyết. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng của chính bản thân người nghèo dân tộc thiểu số, sự quan tâm thường xuyên, đầu tư, giúp đỡ kịp thời của cộng đồng xã hội; tiến hành các hoạt động phối kết hợp, lồng ghép vào các chương trình, dự án phát triển, gắn với đặc thù vùng dân tộc thiểu số của huyện. Những giải pháp được nêu trong chương ba là những giải pháp chủ yếu để giải quyết tốt công tác giảm nghèo cho người đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện Đắk Tô, đòi hỏi sự kết hợp thống nhất, đồng bộ của tất cả các cấp, các ngành mới mang lại được kết quả khả quan.

## **2. Kiến nghị**

Giảm nghèo là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, là nhiệm vụ cấp bách, cần có sức mạnh tổng hợp để sớm kết thúc trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để giảm nghèo nhanh và phát triển bền vững kinh tế vùng đồng bào đồng bào dân

tộc thiểu số nói chung và dân tộc thiểu số huyện Đắk Tô nói riêng đạt hiệu quả như mong muốn và những giải pháp đưa ra mang lại hiệu quả cao thì chúng tôi kiến nghị các cấp các ngành chức năng một số vấn đề sau đây

- Nhà nước cần tiếp tục quan tâm hơn nữa đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở nông thôn miền núi, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Cần có sự chỉ đạo thống nhất và phối hợp đồng bộ của nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều tổ chức cùng triển khai thực hiện.

- Đề nghị các cấp uỷ, Chính quyền chỉ đạo các cơ quan ban ngành thực hiện lồng ghép các chương trình xã hội như y tế, dân số kế hoạch hoá gia đình, văn hoá thông tin, giáo dục trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số để tránh trùng lặp và khuyến khích ý thức tự lực, tự cường các dân tộc từng bước vươn lên thoát nghèo và biết làm giàu.

- Các chương trình đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên hàng đầu cho lĩnh vực giao thông, thuỷ lợi, nước sinh hoạt và trồng rừng, phát triển sản xuất.

- Đối với chính quyền địa phương: chú trọng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảm nghèo, già làng, trưởng bản là đối tượng gần dân nhất.

- Đối với người dân: cần nâng cao tính tự chủ trong sản xuất và đời sống, phát huy tinh thần đoàn kết và sức mạnh cộng đồng trong việc tổ chức, tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Nâng cao ý thức thoát nghèo, tinh thần học tập, xoá bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu, thực hiện quan điểm ưu tiên vốn cho sản xuất, hạn chế tình trạng cúng lễ linh đình tốn kém làm khó thêm cho đời sống hộ nghèo.